TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG
KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 11/TKB-KTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2024

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
(Áp dụng từ ngày 6/1/2025 đến ngày 1/6/2025)

- Trường hợp học tại phòng thực hành, GV đăng ký lịch thực hành cụ thể với đơn vị quản lý phòng thực hành và báo SV để thực hiện, báo khoa CM, phòng liên quan để quản lý.

- Các đơn vị Phòng/Khoa/Trung tâm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc, các đơn vị thông báo về Khoa chuyên môn hoặc Phòng Đào tạo - HTQT để phối hợp giải quyết kịp thời.

STT	Lớp [Khóa. Tên lớp. Ngành]	Sĩ số	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Buổi	Thứ	Tiết học	Từ ngày	Đến ngày	Phòng học	Đơn vị	Giảng viên	Ghi chú (ghi rõ lớp học ghép nếu có)
1	K11.KTĐ	11	Trang bị điện, điện tử	3	45	Sáng	2	1-4 1-5	17/2/2025 5/5/2025	28/4/2025 5/5/2025	A2.201	KTCN	Lê Thị Nụ	
2	K11.KTĐ	11	Nhà máy điện và trạm biến áp	3	45	Sáng	3	1-4 1-5	17/2/2025 29/4/2025	27/4/2025 29/4/2025	A2.201	KTCN	Đinh Thị Trung Hiếu	
3	K11.KTĐ	11	Thực hành điện tử công nghiệp	1	30	Sáng	4	1-4 1-5	17/2/2025 24/3/2025	23/3/2025 6/4/2025	TH-KTX	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	
4	K11.KTĐ	11	Thực hành điện công nghiệp	1	30	Sáng	4	1-4 1-5	7/4/2025 19/5/2025	18/5/2025 1/6/2025	TH-KTX	KTCN	Lê Thị Thương	
5	K11.KTĐ	11	Chuyên đề công nghệ mới	2	30	Sáng	5	1-4	17/2/2025	13/4/2025	A2.201	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	
6	K11.KTĐ	11	ĐAMH Thiết kế hệ thống cung cấp điện	1	15	Sáng	5	1-4	14/4/2025	18/5/2025	A2.201	KTCN	Lê Thị Thương	
7	K11.KTĐ	11	Thiết kế hệ thống nhúng	2	30	Sáng	6	1-4	17/2/2025	13/04/2025	A2.201	KTCN	Vũ Thị Kim Nhung	
8	K11.KTĐ	11	Thiết bị điện lạnh	2	30	Sáng	6	1-4 1-5	14/4/2025 19/5/2025	18/5/2025 1/6/2025	A2.201	KTCN	Lê Thị Nụ	
9	K12.KTĐ	17	Thí nghiệm máy điện	1	30	Chiều	2	6-9 6-10	6/1/2025 3/3/2025	24/2/2025 10/3/2025	TH-KTX	KTCN	Đinh Thị Trung Hiếu	

10	K12.KTĐ	17	Thực hành điện cơ bản	2	60	Chiều	4	6-9	6/1/2025	18/5/2025	TH-KTX	KTCN	Vũ Văn Hoàng	
11	K12.KTĐ	17	Tiếng Anh chuyên ngành (Kỹ thuật điện, điện tử)	3	45	Sáng	6	1-4 1-5	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	B1.101	NN	Vũ Thị Nhung	K13.KTĐ
12	K12.KTĐ	17	Thiết bị khi nén và thủy lực	3	45	Chiều	3 5	6-9	14/4/2025 14/4/2025	1/6/2025 25/5/2025	A2.201	KTCN	Lê Thị Nụ	
13	K12.KTĐ	17	Truyền số liệu	3	45	Chiều	3	6-9 6-10	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	A2.201	KTCN	Nguyễn Thị Phiên	
14	K12.KTĐ	17	Thiết kế hệ thống cung cấp điện	3	45	Chiều	5	6-9 6-10	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	A2.201	KTCN	Lê Thị Thương	
15	K12.KTĐ	17	Nhà máy điện và trạm biến áp	3	45	Chiều	2	6-9 6-10	17/3/2025 28/4/2025	21/4/2025 1/6/2025	A2.201	KTCN	Đinh Thị Trung Hiếu	
16	K12.KTĐ	17	Kỹ thuật ghép nối máy tính	2	30	Chiều	6	6-9 6-10	14/4/2025 19/5/2025	18/5/2025 1/6/2025	A2.201	KTCN	Vũ Thị Kim Nhung	
17	K13.KTĐ	18	Thực hành điện tử cơ bản	2	60	Sáng	2	1-4	13/1/2025	19/5/2025	TH-KTX	KTCN	Nguyễn Thị Phiên	N1
18	K13.KTĐ	17	Thực hành điện tử cơ bản	2	60	Chiều	2	6-9	13/1/2025	19/5/2025	TH-KTX	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	(N2) K13.ĐTVT
19	K13.KTĐ	35	Xử lý tín hiệu số	3	45	Sáng	3 2	1-4 1-5	7/1/2025 6/1/2025	6/4/2025 6/1/2025	B1.101	KTCN	Phan Đình Trung	K13.ĐTVT
20	K13.KTĐ	35	Lý thuyết trường điện từ	3	45	Sáng	4	1-5	6/1/2025	30/3/2025	B1.101	KTCN	Tăng Thế Toan	
21	K13.KTĐ	35	Vật liệu điện - điện tử	3	30	Chiều	4	7-10	31/3/2025	1/6/2025	B4.101	KTCN	Vũ Văn Cát	
22	K13.KTĐ	35	Điện tử công suất	3	45	Sáng	5	1-4 1-5	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	B1.101	KTCN	Vũ Thị Thảo	K13.ĐTVT
23	K13.KTĐ	35	Đại cương về kĩ thuật	2	30	Sáng	5	1-5	14/4/2025	1/6/2025	B1.101	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	
24	K13.KTĐ	35	Tiếng Anh chuyên ngành (Kỹ thuật điện, điện tử)	3	45	Sáng	6	1-4 1-5	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	B1.101	NN	Vũ Thị Nhung	K12.KTĐ
25	K13.KTĐ	35	An toàn điện	2	30	Sáng	6	1-4 1-5	14/4/2025 19/5/2025	18/5/2025 1/6/2025	B1.101	KTCN	Vũ Văn Hoàng	
26	K13.ĐTVT	2	Thực hành điện tử cơ bản	2	60	Chiều	2	6-9	13/1/2025	19/5/2025	TH-KTX	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	(N2) K13.KTĐ
27	K13.ĐTVT	2	Xử lý tín hiệu số	3	45	Sáng	3 2	1-4 1-5	7/1/2025 6/1/2025	6/4/2025 6/1/2025	B1.101	KTCN	Phan Đình Trung	K13.KTĐ

28	K13.ĐTVT	2	Đo lường và Điều khiển bằng máy tính	2	30	Chiều	3	6-9	7/4/2025	1/6/2025	B1.101	KTCN	Đinh Trọng Toàn	
29	K13.ĐTVT	2	Thiết kế mạch điện tử	2	60	Chiều	4	6-9	6/1/2025	18/5/2025	B1.101	KTCN	Đinh Trọng Toàn	
30	K13.ĐTVT	2	Điện tử công suất	2	30	Sáng	5	1-4 1-5	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	B1.101	KTCN	Vũ Thị Thảo	K13.KTĐ
31	K13.ĐTVT	2	Cơ sở dữ liệu	3	45	Chiều	5	6-9	13/2/2025	24/4/2025	P3.4 NTD	CNTT	Vũ Thị Thương Huyền	K14.SPTIN; K14.SPTIN.VHVL
32	K13.ĐTVT	2	Đồ án 1	1	15	Chiều	5	6-9	5/5/2025	1/6/2024	B1.101	KTCN	Phan Đình Trung	
33	K13.ĐTVT	2	Vi xử lý và cấu trúc máy tính	3	45	Chiều	6	6-9 6-10	6/1/2025 7/4/2025	6/4/2025 13/4/2025	B1.101	KTCN	Vũ Thị Kim Nhung	
34	K13.ĐTVT	2	Kỹ năng hoạt động công nghiệp	2	30	Chiều	6	6-9 6-10	14/4/2025 19/5/2025	18/5/2025 1/6/2025	B1.101	KTCN	Nguyễn Ngọc Cương	
35	K13.KTĐ.LT	22	Tiếng anh chuyên ngành (KT điện, ĐT)	2	30	Tối	2	10-13	6/1/2025	23/3/2024	B4.101	NN	Vũ Thị Nhung	
36	K13.KTĐ.LT	22	Kỹ thuật chiếu sáng	3	45	Tối	3	10-13	6/1/2025	15/4/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Thương	
37	K13.KTĐ.LT	22	Thiết kế hệ thống cung cấp điện	3	45	Tối	6	10-13	6/1/2025	20/4/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Thương	
38	K13.KTĐ.LT	22	Trang bị điện, điện tử	3	45	Tối	4	10-13	6/1/2025	20/4/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Nụ	
39	K13.KTĐ.LT	22	Nhà máy điện và trạm biến áp	3	45	Sáng Tối	7 5	1-4 10-13	6/1/2025 19/5/2025	6/4/2025 1/6/2025	B4.101	KTCN	Đinh Thị Trung Hiếu	
40	K13.KTĐ.LT	22	Bảo vệ rơ le và tự động hoá trong hệ thống điện	3	45	Tối	3 6	10-13	21/4/2025	1/6/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Thương	
41	K13.KTĐ.LT	22	ĐAMH Thiết kế hệ thống cung cấp điện	1	15	Chiều	7	6-9	21/4/2025	18/5/2024	B4.101	KTCN	Lê Thị Thương	
42	K13.KTĐ.LT	22	Đồ án 1 (Điện tử công nghiệp)	1	15	Chiều	7	6-9	24/3/2025	20/4/2025	B4.101	KTCN	Phan Đình Trung	
43	K13.KTĐ.LT	22	Thiết bị khí nén và thuỷ lực	3	45	Tối	5	10-13	6/1/2025	20/4/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Nụ	
44	K13.KTĐ.LT	22	Thực hành điện công nghiệp	1	30	Sáng	7	1-4	7/4/2025	1/6/2025	TH-KTX	KTCN	Lê Thị Thương	

45	K13.KTĐ.LT	22	Thiết bị điện lạnh	2	30	Tối	2	10-13	24/3/2025	19/5/2025	B4.101	KTCN	Lê Thị Nụ	
46	K13.KTĐ.LT	22	Hệ thống điều khiển và giám sát từ xa	2	30	Chiều	7	6-9	6/1/2025	23/3/2024	B4.101	KTCN	Đoàn Văn Hải	
47	K13.KTĐ.LT	22	Hệ thống điện cho các tòa nhà	2	30	Tối	4 5	10-13	21/4/2025 21/4/2025	1/6/2025 18/5/2025	B4.101	KTCN	Nguyễn Văn Thắng	
48	K14.KTĐ	52	Giải tích	3	45	Sáng	2	1-5	10/2/2025	14/4/2025	5.2-NTD	THTN	Phạm Thị My	K14.ĐTVT
49	K14.KTĐ	52	Tin học đại cương	2	30	Sáng	3	1-4	10/2/2025	6/4/2025	5.2-NTD	CNTT	Đặng Ngọc Anh	K14.ĐTVT
50	K14.KTĐ	52	Tiếng anh 2	3	45	Sáng	2 6	1-5	21/4/2025 28/4/2025	26/5/2025 18/5/2024	5.2-NTD	NN	Lê Thị Bắc	K14.ĐTVT
51	K14.KTĐ	52	Hàm phức và các phép biến đổi	2	30	Sáng	3	1-4	7/4/2025	1/6/2025	5.2-NTD	KTCN	Phan Đình Trung	K14.ĐTVT
52	K14.KTĐ	52	Giáo dục thể chất 2	2	30	Chiều	5	7-10	10/2/2025	6/4/2025	SVĐ-NTD	NHTD	Nguyễn Hữu Thái	K14.ĐTVT
53	K14.KTĐ	52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	6	1-4 1-5	10/2/2025 17/3/2025	16/3/2025 30/3/2024	5.2-NTD	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thùy Linh	K14.ĐTVT
54	K14.KTĐ	52	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Sáng	5	1-5	10/3/2025	20/4/2025	5.2-NTD	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thắm	K14.ĐTVT
55	K14.KTĐ	52	Kỹ thuật lập trình	2	30	Sáng	4	1-4	10/2/2025	6/4/2025	5.2-NTD	CNTT	Phạm Văn quang	K14.ĐTVT
56	K14.KTĐ	52	Lý thuyết mạch	3	45	Sáng	4 6 6	1-4 1-4 1-5	7/4/2025 31/3/2025 25/4/2025	1/6/2025 20/4/2025 25/4/2025	5.2-NTD	KTCN	Vũ Thị Thảo	K14.ĐTVT
57	K14.ĐTVT	12	Giải tích	3	45	Sáng	2	1-5	10/2/2025	14/4/2025	5.2-NTD	THTN	Phạm Thị My	
58	K14.ĐTVT	12	Tin học đại cương	2	30	Sáng	3	1-4	10/2/2025	6/4/2025	5.2-NTD	CNTT	Đặng Ngọc Anh	
59	K14.ĐTVT	12	Tiếng anh 2	3	45	Sáng	2 6	1-5	21/4/2025 28/4/2025	26/5/2025 18/5/2024	5.2-NTD	NN	Lê Thị Bắc	
60	K14.ĐTVT	12	Hàm phức và các phép biến đổi	2	30	Sáng	3	1-4	7/4/2025	1/6/2025	5.2-NTD	KTCN	Phan Đình Trung	
61	K14.ĐTVT	12	Giáo dục thể chất 2	2	30	Chiều	5	7-10	10/2/2025	6/4/2025	SVĐ-NTD	NHTD	Nguyễn Hữu Thái	

62	K14.ĐTVT	12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Sáng	6	1-4 1-5	10/2/2025 17/3/2025	16/3/2025 30/3/2024	5.2-NTD	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thùy Linh	
63	K14.ĐTVT	12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Sáng	5	1-5	10/3/2025	20/4/2025	5.2-NTD	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thắm	
64	K14.ĐTVT	12	Kỹ thuật lập trình	2	30	Sáng	4	1-4	10/2/2025	6/4/2025	5.2-NTD	CNTT	Phạm Văn quang	
65	K14.ĐTVT	12	Lý thuyết mạch	3	45	Sáng	4 6 6	1-4 1-4 1-5	7/4/2025 31/3/2025 25/4/2025	1/6/2025 20/4/2025 25/4/2025	5.2-NTD	KTCN	Vũ Thị Thảo	
66	K14.KTĐ.LT	20	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1	15	Tối	5	10-13	10/3/2025	6/4/2025	GĐTT	CT-TL-GD	Đỗ Thanh Huyền	K14.KT.LT
67	K14.KTĐ.LT	20	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	15	Tối	5	10-13	10/2/2025	9/3/2025	GĐTT	CT-TL-GD	Phạm Thị Thu Hằng	K14.KT.LT
68	K14.KTĐ.LT	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	15	Tối	5	10-13	7/4/2025	11/5/2025	GĐTT	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thắm	K14.KT.LT
69	K14.KTĐ.LT	20	Lịch sử Đảng CSVN	1	15	Tối Chiều	5 7	10-13 6-9	12/5/2025 31/5/2025	1/6/2025 31/5/2025	GĐTT	CT-TL-GD	Nguyễn Thị Thắm	K14.KT.LT
70	K14.KTĐ.LT	20	Tiếng anh 1	1	15	Tối	4	10-13	10/2/2025	9/3/2025	GĐTT	NN	Đỗ Thị Ngọc Tú	K14.KT.LT
71	K14.KTĐ.LT	20	Tiếng anh 2	2	30	Tối Sáng	4 7	10-13 1-4	14/4/2025 31/5/2025	4/6/2025 31/5/2025	GĐTT	NN	Đỗ Thị Ngọc Tú	K14.KT.LT
72	K14.KTĐ.LT	20	Giáo dục thể chất 2	2	30	Sáng	7	1-4	10/3/2025	4/5/2025	NĐN	NHTD	Trần Doãn Khoa	K14.KT.LT
73	K14.KTĐ.LT	20	Thí nghiệm vật lý đại cương	1	30	Chiều	7	6-9	10/2/2025	6/4/2025	PM-Hải Tân	KTCN	Vũ Văn Cát	
74	K14.KTĐ.LT	20	Kỹ thuật lập trình	2	30	Tối	2	11-13	10/2/2025	14/04/25	D4.102	CNTT	Phạm Văn Quang	K14.CNTT.LT
75	K14.KTĐ.LT	20	Cảm biến	2	30	Tối	3	10-13	24/2/2025	20/4/2025	B4.201	KTCN	Nguyễn Thị Toan	
76	K14.KTĐ.LT	20	Kỹ thuật đo lường	2	30	Tối Sáng	3 7	10-13 1-4	21/4/2025 5/5/2025	25/5/2025 25/5/2025	B4.201	KTCN	Phan Đình Trung	
77	K14.KTĐ.LT	20	Lý thuyết trường điện từ	2	30	Tối	6	10-13	24/2/2025	20/4/2025	B4.201	KTCN	Phan Đình Trung	
78	K14.KTĐ.LT	20	Thông tin số	2	30	Tối	6 2	10-13	21/4/2025 19/5/2025	1/6/2025 26/5/2025	B4.201	KTCN	Nguyễn Thị Toan	

79	K14.KTĐ.LT	20	Lý thuyết điều khiển tự động	2	30	Tối Sáng	3,6 7	10-13 1-4	10/2/2025 10/2/2025	23/2/2025 9/3/2025	B4.201	KTCN	Lê Thị Nụ	
80	K14.KTĐ.LT	20	Điện tử số	3	45	Chiều Tối Tối	7 2 3	6-9 10-13 10	7/4/2025 21/4/2025 27/5/2025	1/6/2025 12/5/2025 27/5/2025	B4.201	KTCN	Nguyễn Thị Phiên	

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Phòng: ĐT-HTQT; TC-TH; CTSV-VL; BĐCL-TT (để phối hợp);
- Các đơn vị có GV dạy (để phối hợp);
- GV giảng dạy (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: VP; Khoa KT&CN; ĐT-HTQT (03).

Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hiến

Lãnh đạo khoa
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Toan

T/L HIỆU TRƯỞNG DUYỆT
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO - HTQT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

TS. Đàm Văn Bắc